

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 10-7-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hoà;
2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Phụng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh (Toà án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh cũ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị T, sinh ngày 21-12-1977; số CCCD: 072177010276; cấp ngày 11-8-2021. Địa chỉ: Tổ 6, ấp H, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt);

2. *Đồng Bị đơn:*

2.1. Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1990; số CCCD 080090000419, cấp ngày 10-8-2021; địa chỉ: Ấp P, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

2.2. Chị Trà Thị Diệu N, sinh năm 1989; số CCCD 072189004227, cấp ngày 11-8-2021; địa chỉ: Tổ 5, ấp H, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:

Chị T là chủ thảo hụi và vợ chồng anh Nguyễn Quốc B, chị Trà Thị Diệu N có tham gia hụi của chị; cụ thể như sau:

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai hụi ngày 20/01/2023 (AL) gồm có 35 phần, vợ chồng anh B tham gia 01 phần, hốt đầu ngày 20/01/2023 được 103.100.000 đồng và phải đóng hụi chết 34 phần; anh B và chị N đóng hụi chết được 19 kỳ, thì ngưng không tiền nữa nên hiện nay còn nợ 15 kỳ x 5.000.000 đồng 75.000.000 đồng. Tuy nhiên, phiếu đăng hụi cho anh B chỉ ghi có 34 phần vì có người tham gia sau nên chị đưa thêm tiền chứ không có ghi vào giấy hốt hụi; do đó chị đồng ý tính vợ chồng anh B còn nợ là 14 lần x 5.000.000 đồng, thành tiền 70.000.000 đồng; hụi mãi vào tháng 10/2025 âm lịch.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai hụi ngày 15/4/2024 (AL) gồm có 28 phần, vợ chồng anh B tham gia 03 phần.

Ngày 15/4/2024 hốt đầu một phần được 88.500.000 đồng và phải đóng hụi chết 27 kỳ. Anh B, chị N đóng được 5 kỳ, thì ngưng không đóng tiền nữa, hiện nay còn nợ 23 kỳ. Tuy nhiên, phiếu đăng hụi cho anh B chỉ ghi có 27 phần tham gia vì có người tham gia sau nên chị đưa thêm tiền chứ không có ghi vào giấy hốt hụi; do đó chị đồng ý tính vợ chồng anh B còn nợ là 22 lần x 5.000.000 đồng, thành tiền 110.000.000 đồng.

Ngày 15/7/2024 hốt phần thứ 2, được 91.700.000 đồng và phải đóng hụi chết 23 kỳ. Anh B, chị N đóng được 1 kỳ, thì ngưng không đóng tiền nữa, hiện nay còn nợ tới 23 kỳ x 5.000.000 đồng, thành tiền 115.000.000 đồng. Lần này chị đăng đủ cho anh B nên có ghi số người tham gia là 28 người.

Còn một phần hụi sống đã đóng 5 lần, mỗi lần 3.500.000 đồng, tổng cộng 17.500.000 đồng. Chị chia lại cho người khác tiếp tục đóng phần này nên chị đồng ý khấu trừ lại cho vợ chồng anh B số tiền 17.500.000 đồng trong tổng số tiền hụi còn nợ của chị.

Nay chị T yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Quốc B và chị Trà Thị Diệu N phải trả cho chị số tiền 277.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - bị đơn trình bày ý kiến như sau:

Chị Trà Thị Diệu N trình bày: Trước năm 2017 chị và anh Nguyễn Quốc B là vợ chồng và có tham gia hụi của chị T rất nhiều dây, nhưng trong quá trình tham gia có đóng đầy đủ không có nợ chị T.

Từ sau năm 2017 chị với anh B mâu thuẫn về tình cảm và tiền bạc nên mặc dù chưa ly hôn nhưng anh chị độc lập về tài chính, không ai quan tâm đến ai nên chị vẫn còn tham gia góp hụi với chị T nhưng với tư cách là cá nhân, chị đã hốt và đã đóng lại hàng tháng đầy đủ cho chị T; cụ thể chị đang tham gia góp hụi 4 dây: Dây hụi 1 triệu và 2 triệu cùng ngày 10/3/2023 âm lịch hiện nay đã mãn và dây hụi 1 triệu và 2 triệu ngày 15/8/2023 âm lịch chị vẫn đang đóng hụi chết cho chị T bình thường.

Vào tháng 7 năm 2024 chị nộp đơn và đến tháng 9 năm 2024 có Quyết định công nhận chị và anh B thuận tình ly hôn của tòa án, từ khi chị nộp đơn ly hôn thì chị và anh B không còn liên lạc nhau nữa. Chị T cung cấp chứng cứ là 03 phiếu

đăng tiền hui có chữ ký của anh B, chị xác nhận đúng là chữ ký và chữ viết của anh B vì trong thời gian anh chị độc lập về tài chính thì anh B có hỏi chị chơi hui ở đâu thì chị có nói của chị T nên chị biết là anh B có chơi hui riêng với chị T, còn cụ thể dây nào và hốt chưa thì chị không biết. Sau khi anh chị ly hôn thì chị T có đến nhà nói cho chị biết về hui của anh B không đóng cho chị T và yêu cầu chị phụ đóng hui thì chị không đồng ý.

Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu chị cùng anh B có trách nhiệm trả tiền nợ hui cho chị T thì chị không đồng ý vì anh B tham gia, anh B hốt hui thì chị T đòi anh B; chị không biết về những dây hui này.

Anh B vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B vắng mặt nên toà án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T đối với chị Trà Thị Diệu N và anh Nguyễn Quốc B về “Tranh chấp hợp đồng góp hui”;

Buộc anh Nguyễn Quốc B có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ hui tổng cộng 277.500.000 đồng; chị Trà Thị Diệu N không có nghĩa vụ liên đới cùng anh B.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh B phải chịu tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn - anh Nguyễn Quốc B đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Quốc B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 03 phiếu đăng tiền hui (bút lục số 04, 05, 06) trong đó: 01 phiếu đăng hui dây hui 5 triệu, ngày 20/01/2023 âm lịch; 34 phần, ngày đăng 25/01/2023; 01 phiếu đăng hui dây hui 5 triệu, ngày

15/4/2024 âm lịch, 27 phần, ngày đăng 20/4/2024; 01 phiếu đăng hui dây hui 5 triệu, ngày 15/4/2024 âm lịch, 28 phần, ngày đăng 20/7/2024 có chữ ký của chủ hui và người hót hui là anh Nguyễn Quốc B và danh sách hui viên; có đủ cơ sở để xác định anh B có tham gia các dây hui do chị T làm chủ thảo, anh B đã hót hui nhưng không góp lại cho chị T nên hiện nay anh B còn nợ lại chị T số tiền hui tổng cộng 277.500.000 đồng; cụ thể như sau:

Dây hui 5.000.000 đồng/tháng, khai hui ngày 20/01/2023 (AL) gồm có 35 phần, anh B tham gia 01 phần, đã hót và còn nợ 14 lần là 70.000.000 đồng;

Dây hui 5.000.000 đồng/tháng, khai hui ngày 15/4/2024 (AL) gồm có 28 phần, anh B tham gia 03 phần: Ngày 15/4/2024 hót đầu một phần, còn nợ 22 lần với số tiền 110.000.000 đồng; Ngày 15/7/2024 hót phần thứ 2, còn nợ lại 23 lần với số tiền 115.000.000 đồng; Còn một phần hui sống đã đóng 5 lần, mỗi lần 3.500.000 đồng, tổng cộng 17.500.000 đồng; chị T đồng ý khấu trừ lại cho anh B số tiền 17.500.000 đồng trong tổng số tiền hui còn nợ.

[4] Xét ý kiến trình bày của chị Trà Thị Diệu N: Vào năm 2023 riêng cá nhân chị N có tham gia góp hui với chị T, chị đã hót hui và hiện nay chị vẫn đang đóng hui chết hàng tháng cho chị T (bản sao kê tài khoản ngân hàng); khi tham gia hui chị N là người trực tiếp góp hui và ký tên nhận tiền vào phiếu đăng hui cho chị T. Trong thời gian này anh B cũng tham gia hui của chị T nhưng không cùng với dây hui của chị N. Tại phiên tòa, chị T xác nhận lời trình bày của chị N là đúng. Do đó có căn cứ để xác định trước khi ly hôn thì anh B, chị N đã thỏa thuận với nhau về việc mỗi người tự xác lập giao dịch dân sự và tự chịu trách nhiệm, phù hợp với chứng cứ khởi kiện chị T cung cấp thể hiện tất cả 3 lần hót hui thì anh B là người nhận tiền của chị T nên anh B là người xác lập giao dịch và cũng là người phải chịu trách nhiệm. Mặt khác, trong thời gian này giữa anh B và chị N đang phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng nên không có cơ sở để xác định số tiền này anh B sử dụng vào mục đích chung chi tiêu sinh hoạt cho gia đình, do đó chị T yêu cầu chị N cùng với anh B có trách nhiệm trả tiền nợ hui cho chị là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Xét thấy anh B đã tham gia góp hui, đã hót hui nhưng không góp lại đầy đủ hàng tháng theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T và những người tham gia trong dây hui nên chị T yêu cầu anh B có trách nhiệm trả số tiền nợ hui chưa góp cho đến khi mãn hui tổng cộng 277.500.000 đồng là phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh B phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hộ hui biểu phương;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T đối với chị Trà Thị Diệu N và anh Nguyễn Quốc B về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”;

Buộc anh Nguyễn Quốc B có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ hội tổng cộng 277.500.000 đồng (hai trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

Chị Trà Thị Diệu N không có trách nhiệm liên đới đối với anh B;

2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Quốc B phải chịu 13.875.000 đồng tiền án phí.

Chị Đoàn Thị T không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng đã nộp là 7.625.000 đồng theo biên lai thu số 0005109 ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 11, tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
đã ký

Nguyễn Văn Lắm